

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP CHO HỌC SINH TRONG CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG MÔN NGỮ VĂN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRƯỜNG THCS&THPT NGUYỄN TẮT THÀNH

TS. TRỊNH THỊ LAN\*

Ngày nhận bài: 11/05/2016; ngày sửa chữa: 11/05/2016; ngày duyệt đăng: 11/05/2016.

**Abstract:** The high school literature curriculum of Nguyen Tat Thanh secondary school is built with aim at developing learners' abilities, emphasizing of communicative competence. This is shown not only in the contents of curriculum but also in the designing of learning topics, the positive teaching methods and techniques, as well as exams and assessment.

**Keywords:** School literature curriculum, communicative competence.

Đề án đổi mới chương trình (CT), sách giáo khoa (SGK) phổ thông sau năm 2015 trong chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 đang ở giai đoạn tích cực chuẩn bị những yếu tố căn bản để triển khai thực hiện rộng khắp. CT, SGK mới sẽ được thiết kế, xây dựng theo định hướng phát triển năng lực (PTNL) người học vừa đảm bảo tính thống nhất trong toàn quốc, vừa phù hợp với đặc thù mỗi địa phương nhằm phát huy tận lực thế mạnh và khả năng sáng tạo trong mỗi nhà trường. Sự thay đổi CT, SGK phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực đòi hỏi đội ngũ giáo viên (GV) cần phải được trang bị các kiến thức cũng như kĩ năng cần thiết về phát triển CT dạy học để có đủ khả năng tham gia vào việc phát triển CT ở cấp độ nhà trường sao cho phù hợp với đặc thù của địa phương và với từng đối tượng người học. Ở Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông (THCS&THPT) Nguyễn Tất Thành, việc sớm triển khai nhiệm vụ phát triển chương trình nhà trường (CTNT) đã trở thành một cơ hội cho GV và học sinh (HS). Đặc biệt, đối với môn *Ngữ văn* THPT, phát triển CTNT Nguyễn Tất Thành đã góp phần thể hiện rõ đặc thù bộ môn *Ngữ văn* trong việc PTNL giao tiếp cho HS, một năng lực vừa mang tính cốt lõi vừa mang tính chuyên biệt của môn học *Ngữ văn* trong nhà trường phổ thông.

## 1. Năng lực giao tiếp và sự cần thiết PTNL giao tiếp cho HS nói chung, HS Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành nói riêng

**1.1. Năng lực giao tiếp.** Giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin giữa người nói và người nghe, nhằm đạt được một mục đích nào đó. Việc trao đổi thông tin

được thực hiện bằng nhiều phương tiện, tuy nhiên, phương tiện giao tiếp quan trọng nhất là ngôn ngữ. Năng lực giao tiếp do đó thể hiện ở khả năng sử dụng các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ để chuyển tải, trao đổi thông tin về các phương diện của đời sống xã hội, trong từng bối cảnh/ngữ cảnh cụ thể, nhằm đạt đến một mục đích nhất định trong việc thiết lập mối quan hệ giữa những con người với nhau trong xã hội.

Nhà ngôn ngữ học xã hội người Mĩ Dell Hymes là người đầu tiên đề xuất thuật ngữ "năng lực giao tiếp" (*communicative competence*). Ông cho rằng năng lực giao tiếp không chỉ là năng lực ngữ pháp vốn có mà là năng lực sử dụng ngôn ngữ trong những tình huống giao tiếp phong phú [1; tr 32]. Hymes cho rằng thủ đắc ngôn ngữ không chỉ là một quá trình nhận thức về hệ thống ngôn ngữ đã và đang tồn tại, quá trình kích hoạt các yếu tố bẩm sinh trong não bộ của con người mà còn là một quá trình xã hội chỉ có thể được bộc lộ và phát triển thông qua tương tác xã hội.

Các nhà nghiên cứu M.Halliday, Canale và Swain, Savignon, Celce - Murcia hoàn thiện quan niệm về năng lực giao tiếp và xác định đây là thứ cần thiết cho mỗi con người trong xã hội, nên được phát triển sớm đối với HS trong các nhà trường.

Ở Việt Nam, các nhà tâm lí học thường phân xuất năng lực giao tiếp thành các kĩ năng cụ thể như: kĩ năng định hướng, kĩ năng định vị, kĩ năng nghe, kĩ năng điều khiển quá trình giao tiếp... và coi đây là những kĩ năng tối cần thiết của một con người trong xã hội. Nhà nghiên cứu Nguyễn Minh Thuyết cho

\* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

rằng: “Có thể hình dung nhiệm vụ của môn học (Ngữ văn) trong việc tạo ra năng lực giao tiếp là tạo ra các năng lực cụ thể như sau: năng lực ngôn ngữ, năng lực hành động lời nói, năng lực văn hóa - xã hội. Mỗi năng lực nói trên đều bao gồm hai khía cạnh tạo lập và tiếp nhận văn bản (diễn ngôn). Đó là những năng lực cần hình thành ở HS khi dạy ngoại ngữ cũng như dạy tiếng mẹ đẻ” [2; tr 177].

Những nghiên cứu trên cho thấy, việc hình thành và PTNL giao tiếp cho mỗi đối tượng tham gia vào hoạt động giáo dục là hết sức quan trọng. Ở đây, chúng tôi chỉ bàn đến việc PTNL giao tiếp tiếng Việt cho HS Trường Nguyễn Tất Thành với tư cách tiếng Việt là ngôn ngữ thứ nhất.

Những nhà biên soạn CT Ngữ văn trong nhà trường phổ thông đã từng khẳng định trước đây: PTNL giao tiếp bằng tiếng Việt là “làm cho HS có kĩ năng nghe, nói, đọc, viết khá thành thạo” [3; tr 138]. Dự thảo CT giáo dục phổ thông Việt Nam hiện nay (tháng 5/2015) đã đưa năng lực giao tiếp trở thành một trong những năng lực cốt lõi cần hình thành và phát triển cho những chủ nhân tương lai của đất nước. Trong môn học *Ngữ văn*, việc hình thành và phát triển cho HS năng lực giao tiếp ngôn ngữ là một mục tiêu quan trọng, cũng là mục tiêu thế mạnh mang tính đặc thù của môn học. Việc PTNL giao tiếp qua các nội dung dạy học Ngữ văn gắn với việc rèn luyện 4 kĩ năng hoạt động lời nói cơ bản: *nghe, nói, đọc, viết* và khả năng ứng dụng các kiến thức, kĩ năng ấy vào các tình huống giao tiếp khác nhau trong cuộc sống. Trong những bài học về sử dụng tiếng Việt, HS tiếp cận các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ, học cách sử dụng phù hợp, hiệu quả trong các tình huống giao tiếp cụ thể, được luyện tập giao tiếp đảm bảo các phương châm hội thoại, từng bước làm chủ tiếng Việt trong các hoạt động giao tiếp. Các bài học đọc hiểu văn bản cũng tạo môi trường, bối cảnh để HS được giao tiếp cùng tác giả và môi trường sống xung quanh, thể hiện năng lực giao tiếp ở phương diện đặc biệt: giao tiếp thẩm mĩ. Chính việc xác định mục tiêu PTNL giao tiếp đã chi phối quá trình đổi mới phương pháp dạy học Ngữ văn theo quan điểm giao tiếp, coi trọng khả năng thực hành, vận dụng những kiến thức tiếng Việt và tiếng Việt nghệ thuật trong những bối cảnh giao tiếp đa dạng của cuộc sống. Và trên hết là việc xây dựng được một CTNT ưu tiên định hướng PTNL giao tiếp cho người học.

**1.2. Những thuận lợi trong việc xây dựng CTNT môn Ngữ văn THPT theo định hướng PTNL giao tiếp ở Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành.** Môi trường Trường Nguyễn Tất Thành có nhiều điểm

thuận lợi cho việc phát triển CTNT môn học *Ngữ văn* theo định hướng năng lực, đặc biệt là PTNL giao tiếp. Dưới mái trường này, HS luôn được khuyến khích và được hướng dẫn cách học tập khoa học, hướng đến việc tự học, tự khám phá tri thức. Nhiều phương pháp (PP), kĩ thuật dạy học tích cực được áp dụng trong mỗi giờ lên lớp nhằm khuyến khích HS trở thành những người học tập tự chủ, độc lập và tự tin. HS có nhu cầu và hứng thú thể hiện sự hiểu biết và bày tỏ quan điểm cá nhân trong các tập thể lớp học.

Mặt khác, HS Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành được tham gia nhiều CLB sở thích như CLB Thể thao, CLB Nghệ thuật,... có nhiều cơ hội giao lưu quốc tế, được tạo điều kiện tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế... Những kiến thức và kĩ năng về phỏng vấn và trả lời phỏng vấn, thuyết trình trước đám đông, tạo ấn tượng và thuyết phục lí trí, tình cảm của người đối diện... trở nên có ý nghĩa quan trọng đối với HS.

Những kiến thức, cảm xúc mà HS Trường Nguyễn Tất Thành có được từ các CT giáo dục kĩ năng sống, giá trị sống cũng thúc đẩy sự PTNL toàn diện ở HS, giúp HS cân bằng đời sống hướng nội và hướng ngoại.

Các hoạt động tương tác trong và ngoài nhà trường được tổ chức thường xuyên, Hội đồng giáo dục nhà trường khuyến khích tối đa sự thể hiện, khẳng định bản thân của mỗi HS, việc phát triển CT môn *Ngữ văn* THPT theo định hướng ưu tiên PTNL giao tiếp của Tổ Ngữ văn THPT nhận được sự khuyến khích, tạo điều kiện tối đa của nhà trường.

**2. CTNT môn Ngữ văn THPT theo định hướng ưu tiên PTNL giao tiếp của Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành**

**2.1. Mục tiêu và quan điểm xây dựng CTNT môn Ngữ văn của Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành.** CTNT môn *Ngữ văn* THPT của Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành hướng tới việc hình thành và bồi dưỡng năng lực chung - năng lực giao tiếp - cũng như những năng lực ngữ văn cụ thể mà HS cần phải đạt được qua việc học Ngữ văn ở cấp THPT. Những năng lực chung và chuyên biệt đó thể hiện ở cả 4 nhóm: nghe, nói, đọc, viết (tương ứng với cả hai chiều tiếp nhận và tạo lập văn bản), gắn với cả hai nhóm văn bản thông tin và văn bản văn học. Trong đó, ngoài 2 năng lực *đọc, viết* là trọng tâm, cần chú ý phát triển cả năng lực nghe, nói cho HS.

CT môn *Ngữ văn* THPT được xây dựng lại từ CT giáo dục phổ thông môn Ngữ văn (cấp THPT) trên nguyên tắc kế thừa những ưu điểm của quan điểm xây dựng CT năm 2006, đồng thời, có sự điều chỉnh

nhất định để chuyển từ CT chú trọng nội dung dạy học sang CT theo hướng PTNL của HS, trong đó đặc biệt chú trọng PTNL giao tiếp. Do đó, đây không phải là CT được xây dựng mới hoàn toàn, mà được hình thành trên cơ sở rà soát toàn bộ CT và SGK; cắt bỏ những bài có nội dung trùng lặp với THCS hoặc không thiết thực cho việc rèn luyện năng lực giao tiếp, cũng như năng lực tiếp nhận văn học, có thể tích hợp những nội dung đã cắt bỏ vào các bài học khác của CT. Đồng thời là điều chỉnh lại bài học (chủ yếu là thay đổi trật tự một số bài học); chuyển một số nội dung đọc thêm, những bài khó và chuyên sâu ở buổi 1 sang buổi 2 (với các lớp ban D), chuyển sang tự học ở nhà có hướng dẫn của GV (với các lớp ban A, N), lấy thời gian vốn dùng cho các bài này tăng thêm cho các bài có nhiều nội dung (chủ yếu là các bài học đọc hiểu văn bản dài); sắp xếp lại nội dung CT môn *Ngữ văn* lớp 10, 11, 12 thành các chủ đề sinh động, hấp dẫn gói gọn các bài học trong SGK đã được giữ lại. Trên cơ sở đó đề xuất nội dung mới nhằm bổ sung, hoàn thiện các chủ đề học tập hoặc cần gia tăng thời lượng thực hành cho những nội dung quan trọng, hướng đến những giờ học được thiết kế để HS được khám phá, được trải nghiệm, được thực hành, làm việc theo nhóm, rèn luyện năng lực vận dụng và khả năng tự học.

CTNT phải bảo đảm mục tiêu và chuẩn môn học, gồm: nội dung cốt lõi của các bài học và PP đọc hiểu, cách nói, viết sao cho hiệu quả, luôn đề cao sự sáng tạo của người dạy và người học.

CTNT được xây dựng giúp cho GV khi thiết kế các nội dung dạy học trả lời được câu hỏi: *Người học biết làm gì từ những điều đã biết? Cần phải làm gì để việc giao tiếp xã hội của người học được thiết thực, hiệu quả hơn?* Tuy nhiên, vì được xây dựng dựa theo CT năm 2006 của Bộ GD-ĐT gắn với bài học hiện hành trong SGK nên các năng lực nghe, nói dù đã được chú ý song chỉ thực sự được nhấn mạnh trong quá trình triển khai CTNT ở các lớp học theo định hướng khối D (ban D). Giải pháp hiện nay cho CTNT Ngữ văn Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành là tích hợp việc dạy năng lực nghe vào việc dạy các năng lực khác (nói, đọc, viết); năng lực nói, ngoài việc được thể hiện ở một số bài dạy đọc lập cũng được tích hợp vào việc dạy các năng lực đọc và viết ở tất cả các lớp.

Phát triển CTNT được tiến hành ở Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành từ năm học 2013-2014. Sau mỗi năm học, trên cơ sở rút kinh nghiệm thực tiễn triển khai CTNT của năm học trước và yêu cầu nhiệm vụ của năm học kế tiếp, tổ chuyên môn lại điều chỉnh, bổ sung, xây dựng một CTNT hoàn chỉnh hơn

cho năm học mới. Cho đến nay, tổ Ngữ văn THPT Trường Nguyễn Tất Thành đã có 3 lần điều chỉnh CTNT theo hướng giúp cho việc PTNL giao tiếp của HS tích cực hơn, hiệu quả hơn.

**2.2. Một số thao tác cụ thể khi xây dựng CTNT môn Ngữ văn THPT Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành.** Ở CT từng khối lớp, chúng tôi thống kê các bài cần cắt bỏ (thuộc CT giảm tải, nội dung quá cũ hoặc bị trùng lặp); thống kê các bài có sự điều chỉnh, sửa chữa; thống kê các nội dung dạy học mới hoặc các nội dung cần gia tăng thời lượng; sau đó tính tổng số tiết cắt bỏ và số tiết cần cho nội dung mới, gia tăng, thay đổi sao cho phù hợp với quỹ thời gian nhà trường dành cho môn học.

CTNT sắp xếp các nội dung dạy học thành các chủ đề để hình thành và rèn luyện các kĩ năng giao tiếp cơ bản: *Đọc-hiểu, viết sáng tạo, nghe đúng, nói hay.* Riêng kĩ năng nói được gia tăng thời lượng trong các bài học: trình bày vấn đề, phát biểu tự do hoặc phát biểu theo chủ đề, thuyết trình trước tập thể, đám đông...

Các chủ đề được xây dựng phải bao chứa các nội dung dạy học trong SGK, cụ thể là:

- Chủ đề "*Hành trình văn học*" bao gồm các bài văn học sử. Quan điểm xây dựng CTNT đã định hướng thiết kế chủ đề này theo hướng coi bài văn học sử trong SGK là một văn bản thông tin cần đọc hiểu. GV hướng dẫn cho HS biết cách nắm được các thông tin trong bài văn học sử, biết cách vận dụng các thông tin vào đọc hiểu các văn bản cụ thể khác, nhất là văn bản văn học thuộc giai đoạn ấy. Một số chủ đề được kết hợp triển khai với chuyên đề nội dung của học kì hoặc năm học.

- Chủ đề "*Lí luận văn học*": bao gồm các bài lí luận văn học. Cũng giống như chủ đề "*Hành trình văn học*", các bài học thuộc chủ đề này được cải tiến theo hướng giúp HS nắm được cách đọc hiểu một bài lí luận văn học bằng cách coi bài học đó trong sách là một văn bản cần đọc, GV hướng dẫn cho HS biết cách nắm các thông tin chính trong bài đó.

*Hai chủ đề "Hành trình văn học" và "Lí luận văn học" được dạy lồng ghép với chủ đề "Tôi là độc giả" sau đây.*

- Chủ đề "*Tôi là độc giả*": hình thành và rèn luyện kĩ năng đọc (với ba yêu cầu đọc diễn cảm, đọc hiểu, đọc sáng tạo). Đối tượng là tất cả các văn bản của phần đọc văn theo thể loại (sau khi đã cắt giảm) và cả các bài văn học sử, lí luận văn học. Hai mục tiêu cần đạt của mỗi bài dạy đọc hiểu văn bản là:

+ Nhận diện và phân tích được các nội dung và giá trị của từng văn bản trên cả hai phương diện nội dung và hình thức.

+ Biết cách đọc diễn cảm, đọc hiểu, đọc sáng tạo các văn bản cùng loại.

Vì các thể loại lặp lại, nhưng luôn có những khác biệt đáng kể (ví dụ: thơ trữ tình trung đại ở lớp 10, lớp 11 và thơ trữ tình hiện đại ở lớp 11, lớp 12) nên khi tổ chức dạy học, GV cần đối chiếu về kỹ năng đọc các bài học này ở CT các khối lớp khác nhau để thấy sự nối tiếp và phát triển trong rèn luyện kỹ năng đọc.

- Chủ đề “*Tôi là người viết*”: hình thành và rèn luyện kỹ năng tạo lập văn bản (với ba yêu cầu viết đúng, viết hay, viết sáng tạo). Đối tượng văn bản tạo lập thuộc về tất cả các kiểu văn bản của phần Làm văn (sau khi đã cắt giảm). Hai mục tiêu cần đạt của mỗi bài dạy làm văn là:

+ Biết, hiểu về đặc điểm và cách làm các kiểu văn bản.

+ Vận dụng vào các khâu cụ thể của quá trình tạo lập văn bản: tìm hiểu đề, lập ý, viết đoạn, viết bài với 3 yêu cầu trên.

- Chủ đề “*Tôi nói tiếng Việt*”: hình thành và rèn luyện kỹ năng nói (với ba yêu cầu nói đúng, nói hay, hùng biện giỏi). Tăng cường các bài rèn luyện nói trước tập thể/đám đông; tổ chức các cuộc thi nói hay, thi tài hùng biện... Một số bài dạy học Làm văn và Tiếng Việt được chuyển vào chủ đề này với mục đích nhấn mạnh việc rèn luyện khả năng nói của HS.

- Chủ đề “*Tiếng Việt tôi yêu*”: hình thành và rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt ở các lĩnh vực: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, phong cách ngôn ngữ. Đối tượng là các bài học về lí thuyết tiếng Việt và thực hành vận dụng tiếng Việt.

CTNT cũng xây dựng ở mỗi học kì của mỗi lớp tối thiểu 2 chủ đề nội dung (có thể xem như là chuyên đề dạy học). Ví dụ, ở lớp 10:

- Học kì 1: Những vẻ đẹp của thế giới dân gian; Đọc thơ trung đại.

- Học kì 2: Rèn tư duy phản biện trong văn nghị luận; Chủ nghĩa nhân văn trong văn học Việt Nam cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.

Cuối cùng, chúng tôi sắp xếp các nội dung dạy học theo yêu cầu mới:

- Mỗi khối lớp thành lập ma trận nội dung dạy học theo tuần và buổi học (dựa trên CT chuẩn, duy trì cả CT cơ bản và CT nâng cao).

- Các chủ đề trên không được dạy “cuốn chiếu” mà có sự đan xen lẫn nhau giữa các chủ đề hoặc tích hợp hai chủ đề trong một bài học nhằm tăng cường rèn luyện các kỹ năng giao tiếp.

- Các tiết học tăng cường không rải đều mà có thể được phân bố vào các nội dung trọng tâm hoặc các bài học đòi hỏi thời gian nhiều hơn.

Cụ thể là:

- *Đối với lớp 10:*

+ CT cơ bản: Về cơ bản, mỗi tuần có 1 chủ đề bắt buộc luôn có là: *Tôi là người đọc*. Khoảng 3-4 tuần có 1 chủ đề *Tôi nói tiếng Việt* để tăng cường kỹ năng nói.

+ CT nâng cao: Về cơ bản, mỗi tuần có 2 chủ đề bắt buộc luôn có là: *Tôi là người đọc*, *Tôi là người viết*. Khoảng 2-4 tuần có 1 chủ đề *Tôi nói tiếng Việt* để tăng cường kỹ năng nói.

- *Đối với lớp 11:*

+ CT cơ bản: Về cơ bản, mỗi tuần có 1 chủ đề bắt buộc luôn có là: *Tôi là người đọc*. Trung bình 2 tuần có 1 chủ đề *Tôi nói tiếng Việt* để tăng cường kỹ năng nói.

+ CT nâng cao: Về cơ bản, mỗi tuần có 2 chủ đề bắt buộc luôn có là: *Tôi là người đọc*, *Tôi là người viết*. Trung bình 2 tuần có 1 chủ đề *Tôi nói tiếng Việt* để tăng cường kỹ năng nói.

- *Đối với lớp 12:*

+ CT cơ bản: Mỗi tuần có 1 chủ đề bắt buộc luôn có là: *Tôi là người đọc*. Khoảng 2-3 tuần có một bài theo chủ đề *Tôi nói tiếng Việt* để tăng cường kỹ năng nói.

+ CT nâng cao: Mỗi tuần có 2 chủ đề bắt buộc luôn có là: *Tôi là người đọc*, *Tôi là người viết*. Cứ 2 tuần có một bài theo chủ đề *Tôi nói tiếng Việt* để tăng cường kỹ năng nói.

- Bám sát SGK để xếp ma trận các bài học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu vừa nêu để dạy học.

**2.3. Triển khai CTNT Ngữ văn THPT ở Trường THCS & THPT Nguyễn Tất Thành.** Dạy học Ngữ văn nhằm PTNL giao tiếp chú trọng đến nghĩa được truyền đạt, đến việc sử dụng ngôn ngữ trôi chảy hơn là tính đúng đắn của ngữ pháp. Quan điểm giao tiếp trong dạy học phải thể hiện rõ các nguyên tắc: tạo ra sự giao tiếp thực sự trong môi trường học tập; cung cấp những cơ hội cho người học thể hiện trải nghiệm của mình, người dạy kiên nhẫn với những lỗi sai của người học; tạo cơ hội cho người học được chú ý đến cả sự chính xác trong sử dụng ngôn ngữ lẫn sự trôi chảy; nối kết các kỹ năng khác nhau: nghe, nói, đọc; để HS tự khám phá các quy tắc ngữ pháp [4; tr 13]. Việc dạy học Ngữ văn theo quan điểm PTNL giao tiếp đòi hỏi cần phải có sự thay đổi căn bản về CT dạy học, PP dạy học, kỹ thuật kiểm tra, đánh giá trình độ người học.

Do việc rèn luyện cho HS các kỹ năng ngôn ngữ nói chung, kỹ năng đọc hiểu văn bản và làm văn nói riêng cần nhiều thời gian; đồng thời tạo điều kiện cho việc đẩy nhanh tiến độ CTNT, dành thời gian nhiều hơn cho hoạt động ôn tập kì thi Trung học phổ thông quốc gia của HS cuối cấp, CT được xây dựng trên tinh

thần tăng cường số tiết cho cả hai ban Cơ bản và Nâng cao ở tất cả các khối lớp, cụ thể là:

- Lớp 10: Ban Cơ bản: 4 tiết/tuần, Ban Nâng cao: 5 tiết/tuần (cả học kì 1 và học kì 2).

- Lớp 11: Ban Cơ bản: 4 tiết/tuần, Ban Nâng cao: 5 tiết/tuần (cả học kì 1 và học kì 2).

- Lớp 12: Ban Cơ bản: 4 tiết/tuần, Ban Nâng cao: 5 tiết/tuần (cả học kì 1, học kì 2 và thời gian ôn thi cuối năm, cuối cấp).

CTNT được thực hiện linh hoạt, có thể căn cứ vào đặc điểm cụ thể của từng lớp, những phát sinh hoặc biến đổi trong giáo dục và xã hội nói chung để có những điều chỉnh nhất định, đặc biệt trong phân phối số tiết cho mỗi bài học, mỗi chủ đề.

Việc tổ chức các hoạt động dạy học theo CTNT định hướng PTNL giao tiếp được quán triệt trong ý thức và hành động cụ thể của mỗi GV Ngữ văn THPT. Các hình thức dạy học được tổ chức linh hoạt, có hoạt động cá nhân, hoạt động theo cặp, theo nhóm nhỏ, nhóm lớn, các hình thức giao tiếp thực tiễn được tăng cường trong các hoạt động học tập chính khóa, hoạt động ngoại khóa đòi hỏi kĩ năng thuyết trình, nói, viết nhiều hơn... GV sử dụng các PP, kĩ thuật dạy học tích cực trong những giờ học thường nhật. Hầu hết HS ở các lớp đều được tham gia dạy học theo dự án, dạy học hướng tới hoạt động thực tiễn, trong đó các giao tiếp xã hội sinh động được đưa vào giờ học một cách tự nhiên. Điều này cho thấy CTNT đã phát huy tác dụng tích cực trong việc PTNL giao tiếp cho HS Trường Nguyễn Tất Thành.

### **3. Một vài ý kiến từ việc xây dựng và triển khai CTNT môn Ngữ văn THPT theo định hướng PTNL giao tiếp**

Dạy học Ngữ văn theo định hướng PTNL giao tiếp phải phù hợp với định hướng lớn về đổi mới PP dạy học Ngữ văn theo hướng PTNL. CTNT cần được thiết kế nhằm phát triển đầy đủ các thành tố của năng lực giao tiếp. Mục tiêu của các bài học Ngữ văn cần xác định rõ là giúp HS vận dụng những hiểu biết về ngôn ngữ và văn học vào thực tế giao tiếp chứ không phải cung cấp những kiến thức lí thuyết chung chung, phức tạp với HS hoặc những cách rèn luyện kĩ năng mang tính hình thức.

Xây dựng được một CTNT có chất lượng đã khó, việc triển khai theo đúng CT từ ý tưởng đến các bài học cụ thể cũng là một việc không dễ. Để có thể làm tốt điều này, các GV trong tổ chuyên môn Ngữ văn cần liên tục học hỏi, được đào tạo bổ sung liên tục để được chia sẻ, trao đổi về biểu hiện của các thành tố năng lực giao tiếp, các PP dạy học tích cực (dạy học theo dự án, dạy học

trường hợp, các PP đóng vai, dạy học theo nhóm, học thông qua dạy...) nhằm phát triển tốt nhất năng lực giao tiếp cho người học.

Đổi mới PP dạy học gắn liền với đổi mới về đánh giá quá trình dạy học cũng như đổi mới việc kiểm tra, đánh giá thành tích học tập của HS. Xu hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá cũng được tập trung vào các hướng: chuyển từ đánh giá tổng kết sang đánh giá quá trình; chuyển từ đánh giá kiến thức, kĩ năng sang đánh giá năng lực của người học; tích hợp đánh giá vào quá trình dạy học; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá. Chúng tôi cho rằng có CT Ngữ văn nhà trường theo định hướng PTNL giao tiếp thì cũng phải có những điều chỉnh trong việc kiểm tra, đánh giá theo những tiêu chí của năng lực giao tiếp. Việc kiểm tra, đánh giá cần chú ý đến cả bốn kĩ năng giao tiếp cho HS; và năng lực giao tiếp của HS chỉ thực sự được đánh giá đúng khi GV quan sát hoạt động giao tiếp tự nhiên của HS. Vì thế, cần đa dạng hóa các PP kiểm tra, đánh giá (nhóm PP kiểm tra viết, PP quan sát, PP đặt câu hỏi vấn đáp...); đa dạng hóa các công cụ kiểm tra, đánh giá như: ghi chép ngắn, tôn vinh học tập, cùng đánh giá, thẻ kiểm tra, bản đồ tư duy, tập san, trình bày miệng, đánh giá đồng đẳng, hồ sơ học tập, hồ sơ đọc; đặc biệt là đánh giá xác thực hay đáng giá thực tiễn... Tất cả cùng nhằm đến mục tiêu giúp cho HS biết nói đúng, viết đúng tiếng Việt, biết nói hay và viết hay tiếng Việt. Đó chính là tiêu chí quan trọng giúp cho HS THPT nói chung, HS Trường Nguyễn Tất Thành nói riêng có cách nhìn đúng đắn trước các biến thể cũng như các biến tướng trong sử dụng tiếng Việt hiện nay, vận dụng tiếng Việt một cách hiệu quả vào hoạt động đọc hiểu và tạo lập văn bản ở cả dạng nói và dạng viết. □

#### **Tài liệu tham khảo**

- [1] Widdowson, H. G (1996). *Teaching language as communication*. Oxford University Press.
- [2] Hoàng Hoà Bình - Nguyễn Minh Thuyết (2012). *Phương pháp dạy học tiếng Việt nhìn từ tiểu học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Bộ GD-ĐT (2002). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn* (Ban hành kèm theo quyết định số 16/2006/QĐ - BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT). NXB Giáo dục.
- [4] Richards, J.C. (2006). *Communicative Language Teaching*. Cambridge University Press.
- [5] Canale, M. & Swain M. (1980). *Theoretical bases of Communicative approaches to Second language teaching and testing*. Applied Linguistics, 1.
- [6] Celce-Murcia, M (2000). *Rethinking the Role of Communicative Competence*. University of California, USA.